

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G/R
TỈNH KIÊN GIANG
Bản án số: 61/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 9 năm 2018
V/v: “*Hôn nhân và gia đình*
xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G/R, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Lê Văn Tám
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông: Huỳnh Hoàng Nam
2. Ông: Hà Bửu Khánh
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang
- ***Đại diện-Viện kiểm sát nhân dân huyện GR, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Không tham gia phiên tòa

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G/R, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 306/2018/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 8 năm 2018 về việc: “*Hôn nhân và gia đình-xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71a/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Anh H, sinh năm 1985 (có mặt)
Địa chỉ: ấp Thanh Trung, xã Thanh H- ng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang
- ***Bị đơn:*** Chị D, sinh năm 1986 (có mặt)
Địa chỉ: ấp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 7 năm 2018 về việc xin ly hôn và các lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn anh Võ Văn Hoàng nh- sau: Tôi với cô D đăng ký kết hôn vào ngày 17 tháng 9 năm 2010, tại UBND xã Vĩnh Thạnh, huyện G/R, tỉnh Kiên Giang. Quá trình sống chung thời gian đầu đầm ấm hạnh phúc dần về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau tính tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống mặc dù chúng tôi đã có nhiều cố gắng hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nh- ng không mang lại kết quả. Nay tôi xét thấy nếu tiếp tục chung sống sẽ không có hạnh phúc nên yêu cầu

đ-ợc ly hôn. Về con cái và tài sản tr-ớc đây vào ngày 18 tháng 6 năm 2018, vợ chồng chúng tôi đã có lập văn bản thỏa thuận nh- sau:

+ Về con cái: Có 02 con chung tên L, sinh ngày 26 tháng 7 năm 2012 và Q, sinh ngày 25 tháng 02 năm 2016 thỏa thuận là tôi nuôi bé L, còn cô D nuôi bé Q, không phải cấp d-ỡng cho nhau;

+ Về tài sản và nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 18 tháng 8 năm 2018 và các lời trình bày tiếp theo của bị đơn chị D như sau: Xác định lời trình bày của anh H là hoàn toàn đúng. Nay tôi cũng đồng ý ly hôn; về con cái tôi yêu cầu đ-ợc nuôi hết 02 đứa và yêu cầu anh H cấp d-ỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; về tài sản và nợ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Quan hệ tranh chấp giữa anh H với chị D là hôn nhân và gia đình-xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện G/R thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 20 tháng 8 năm 2018, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án; phía anh H trình bày yêu cầu được ly hôn và xin nuôi 01 đứa con tên L, chị D nuôi 01 đứa con tên Q, không phải cấp d-ỡng cho nhau, còn về phần chị Đào trình bày là đồng ý ly hôn và xin nuôi hết 02 đứa con tên L và Q và yêu cầu anh H cấp d-ỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.2] Tại phiên tòa hôm nay, anh H trình bày yêu cầu mỗi người nuôi một đứa, đứa nào anh cũng nhận, còn chị D giữ nguyên yêu cầu.

[2.3] Hội đồng xét xử xét thấy:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Mọi quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị D là hợp pháp. Bởi vì anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đúng theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi, bổ sung 2010 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 về điều khoản chuyển tiếp, nghĩ nên chấp nhận để xem xét giải quyết;

+ Quá trình sống chung anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn trong gia đình mặc dù vợ chồng đã có nhiều cố gắng hòa giải nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nh-ng vẫn không mang lại kết quả, cuối cùng hai ng-ời đã thỏa thuận thống nhất ly hôn. Đây là sự tự nguyện của các đ-ơng sự, không trái đạo đức xã hội, phù hợp pháp luật, nghĩ nên chấp

nhận xử cho anh H và chị D đ-ợc ly hôn theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về con cái*: Anh H, chị D xác định anh, chị có 02 đứa con chung tên L, sinh ngày 26 tháng 7 năm 2012 và Q, sinh ngày 25 tháng 02 năm 2016.

Theo lời trình bày của anh H thì tr-ớc khi khởi kiện ly hôn, vợ chồng có lập văn bản vào ngày 18 tháng 6 năm 2018 (lúc này cháu L đang sống với anh H thỏa thuận là anh H chịu trách nhiệm nuôi cháu L, còn chị D nuôi cháu Q, không phải cấp d-ỡng cho nhau, mới đây anh đã ắm cháu Quang về nuôi nên hiện tại chị Đào đang nuôi cháu Lam, anh H nuôi cháu Q; Còn theo lời trình bày của chị D thì sự thỏa thuận này có sự ép buộc nên nay chị yêu cầu đ-ợc nuôi hết 02 đứa con và yêu cầu anh H cấp d-ỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

+ Xét thấy, giữa anh H và chị D cả hai ng-ời đều là công viên chức Nhà n-ớc, đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, đối với cháu L và cháu Q tuổi còn nhỏ cần có sự chăm sóc của ng-ời mẹ. Đối với yêu cầu nuôi con của anh H cũng phù hợp một phần nh-ng việc xử chia tách 02 cháu sẽ làm ảnh h-ởng đến sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần, ảnh h-ởng đến tâm sinh lý tuổi thơ, xáo trộn cuộc sống của các cháu, nghĩ nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử, xử giao 02 cháu L, sinh ngày 26 tháng 7 năm 2012 và Q, sinh ngày 25 tháng 02 năm 2016 cho chị D nuôi d-ỡng cho đến khi tr-ởng thành (*trừ tr-ởng hợp thay đổi ng-ời nuôi con theo quy định của pháp luật*).

+ Xét yêu cầu cấp dưỡng của chị D, Hội đồng xét xử thấy rằng theo quy định tại mục 2 phần III, Công văn số 24/1999/KHXX, ngày 17 tháng 3 năm 1999 về việc bổ sung một số vấn đề áp dụng pháp luật của Tòa án nhân dân tối cao thì mức cấp dưỡng nuôi con không được dưới 1/2 mức lương cơ sở. Tuy nhiên, xét thấy theo tình hình thực tế tại địa phương để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của một trẻ dưới 7 tuổi. Do đó, mức cấp dưỡng để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng cho 02 cháu L và Q được tốt hơn thì anh Hoàng phải có nghĩa vụ cấp d-ỡng nuôi con một tháng cho một cháu là 695.000đ (sáu trăm chín mươi lăm nghìn). Nh- vậy 02 cháu cấp d-ỡng 01 tháng là 1.390.000đ (một triệu ba trăm chín chục nghìn đồng), 03 tháng cấp d-ỡng 01 lần tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Thời gian cấp d-ỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm là ngày 06 tháng 9 năm 2018 cho đến khi cháu L và cháu Q đủ 18 tuổi (*trừ tr-ởng hợp thay đổi mức cấp d-ỡng nuôi con theo quy định của pháp luật*).

+ Anh H có quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai đ-ợc quyền ngăn cấm.

[2.4] Về tài sản và nợ: Anh H và chị D xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Anh H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), cộng chung là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng), nh- ng đ- ợc khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002799, ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Nh- vậy, anh H còn phải nộp thêm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2, khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; mục 2 phần III Công văn số 24/1999/KHXX, ngày 17 tháng 3 năm 1999 về việc bổ sung một số vấn đề áp dụng pháp luật của Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 21, Điều 28, Điều 35, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận cho anh H đ- ợc ly hôn với chị D.

2. Về con chung:

- Xử giao 02 cháu L, sinh ngày 26 tháng 7 năm 2012 và Q, sinh ngày 25 tháng 02 năm 2016 cho chị D nuôi dưỡng cho đến khi tr- ởng thành (do anh H đang giữ cháu Q nên xử buộc anh H phải giao cháu Q lại cho chị D nuôi khi bản án có hiệu lực pháp luật).

- Xử buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con một tháng cho một cháu là 695.000đ (sáu trăm chín mươi lăm nghìn). Nh- vậy 02 cháu cấp dưỡng 01 tháng là 1.390.000đ (một triệu ba trăm chín chục nghìn đồng), 03 tháng cấp dưỡng 01 lần tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm là ngày 06 tháng 9 năm 2018 cho đến khi cháu L và cháu Q đủ 18 tuổi; anh H có quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai đ- ợc quyền ngăn cấm.

3. Về tài sản và nợ: Miễn xét.

4. Về án phí: Xử buộc anh H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), cộng chung là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng), nh- ng đ- ợc khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số

0002799, ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, anh H còn phải nộp thêm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Trở lại hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nội nhân:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh, huyện GR;
- Chi cục thi hành án GR;
- UBND xã, thị trấn;
- Phòng t- pháp GR;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa